

10 ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ 1 MÔN NGỮ VĂN 6 NĂM HỌC 2020-2021 CÓ HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Môn Ngữ Văn 6 số 1

TRƯỜNG THCS BẢO LÝ

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1
NĂM HỌC: 2020 – 2021
MÔN: NGỮ VĂN 6
Thời gian làm bài: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm)

Câu 1: Truyện nào sau đây là truyện cổ tích?

- A. Sơn Tinh, Thủy Tinh
- B. Sọ Dừa
- C. Thánh Gióng
- D. Treo Biển

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của truyện “Con Rồng Cháu Tiên” là gì?

- A. Miêu tả
- B. Biểu cảm
- C. Tự sự
- D. Nghị luận

Câu 3: Mục đích giao tiếp của văn bản tự sự là gì?

- A. Tái hiện trạng thái sự vật
- B. Bày tỏ tình cảm, cảm xúc
- C. Nêu ý kiến đánh giá bàn luận
- D. Trình bày diễn biến, sự việc

Câu 4: Yếu tố nào không thể thiếu trong văn bản tự sự?

- A. Nhân vật, sự việc
- B. Cảm xúc, suy nghĩ
- C. Hành động, lời nói
- D. Nhận xét

Câu 5: Truyền thuyết nào sau đây liên quan đến nguồn gốc ra đời của người Việt?

- A. Bánh chưng, bánh giầy
- B. Con Rồng, cháu Tiên
- C. Thành Gióng

D. Sơn Tinh, Thủy Tinh

Câu 6: Ý nghĩa của truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh là gì?

- A. Đề cao ý thức và sức mạnh bảo vệ đất nước
- B. Đề cao lao động, đề cao nghề nông
- C. Thể hiện ước mơ chế ngự thiên tai
- D. Thể hiện quan niệm và ước mơ của nhân dân về cuộc sống.

Câu 7: Ý nghĩa của truyện Ếch ngồi đáy giếng là gì?

- A. Chế giễu, châm biếm thói nghênh ngang
- B. Phê phán cách nhìn nhận phiến diện, chủ quan
- C. Phê phán những người hiểu biết hạn hẹp, không coi ai ra gì
- D. Phê phán những người không có chủ kiến, ba phải

Câu 8: Truyện cổ tích được sáng tác nhằm mục đích gì?

- A. Phê phán những thói hư tật xấu của con người
- B. Khuyên nhủ, răn dạy con người
- C. Thể hiện thái độ, cách đánh giá của nhân dân với nhân vật, sự kiện được kể
- D. Thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về đạo đức và công lý

Câu 9: Dòng nào dưới đây nêu chính xác nhất về đặc điểm cốt truyện của truyện ngụ ngôn?

- A. Ngắn gọn, gay cấn, hấp dẫn
- B. Ngắn gọn, triết lý sâu xa
- C. Đơn giản, dễ hiểu, gây hứng thú
- D. Ngắn gọn, chứa mâu thuẫn gây cười, tình huống bất ngờ

Câu 10: Về nghệ thuật, truyện cười giống truyện ngụ ngôn ở điểm nào?

- A. Sử dụng tiếng cười
- B. Tình tiết ly kỳ
- C. Nhân vật chính thường là vật
- D. Cốt truyện ngắn gọn, hàm súc

Câu 11: Trong các cụm từ và câu sau, từ “bụng” nào được dùng với nghĩa gốc?

- A. Miệng nam mô, bụng bồ dao găm.
- B. Sống để bụng, chết mang theo
- C. Anh ấy tốt bụng
- D. Chạy nhiều, bụng chân rất săn chắc.

Câu 12: Từ nào dưới đây là từ ghép?

- A. Lung linh
- B. Tươi tốt

- C. Hân hoan
- D. Mênh mông

Câu 13: Dòng nào dưới đây là cụm danh từ?

- A. Đang nổi sóng mù mịt
- B. Một toà lâu đài to lớn
- C. Không muốn làm nữ hoàng
- D. Lại nổi cơn thịnh nộ

Câu 14: Dòng nào dưới đây là cụm tính từ?

- A. Cái máng lợn sứt mẻ
- B. Một cơn giông tố
- C. Đi học là một hạnh phúc của trẻ em
- D. Lớn nhanh như thổi

Câu 15: Câu nào sau đây mắc lỗi dùng từ không đúng nghĩa?

- A. Anh ta là một kẻ tính khí nhỏ nhen.
- B. Chị ấy có thân hình nhỏ nhắn.
- C. Một cuốn sách nhỏ nhen.
- D. Cô ấy nói năng nhỏ nhẹ.

Câu 16: Nghĩa của từ “tung hoành” được giải thích dưới đây theo cách nào? “Tung hoành”:
Thoả chí hành động không gì cản trở được

- A. Trình bày khái niệm mà từ biểu thị
- B. Miêu tả hành động, sự vật mà từ biểu thị
- C. Đưa ra từ đồng nghĩa với từ cần giải thích
- D. Đưa ra từ trái nghĩa với từ cần giải thích

II. TỰ LUẬN (6.0 điểm): Viết bài văn dài khoảng 350 đến 400 chữ.

Đề bài: Miêu tả con đường đến trường thân thuộc của em.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 SỐ 1

MÔN: NGỮ VĂN 6

I. TRẮC NGHIỆM

1. B
2. C
3. D
4. A
5. B
6. C
7. C

8. D
9. B
10. D
11. D
12. B
13. B
14. D
15. C
16. A

II. TỰ LUẬN

- Đảm bảo đúng cấu trúc đoạn văn, có câu mở đầu đoạn, câu thân đoạn triển khai được vấn đề, câu kết chốt vấn đề.

- Xác định đúng đối tượng đoạn văn.

- Bố cục bài văn:

+ Mở bài: Giới thiệu được con đường đến trường.

+ Thân bài: Tả khái quát hình ảnh con đường đến trường quen thuộc.

- Miêu tả con đường theo cảm nhận chung (rộng hay hẹp; đường nhựa hay trải đá, lát gạch...)
- Cảnh vật hai bên đường: Những dãy nhà, công viên; Những rặng cây, những lùm tre, những đám cỏ, bờ mương; Những dải đường phân cách, ngã tư đèn xanh đèn đỏ.
- Hoạt động của con người trên đường: Cảnh học sinh tới trường; Cảnh những người lao động đi làm sớm; Những hàng quán ven đường mở cửa.
- Hoạt động và cảm xúc của bản thân khi trên đường: Được bố mẹ đưa tới trường; Đi học cùng chúng bạn; Kể những kỉ niệm gắn với con đường đến trường.

+ Kết bài: Tình cảm của em với con đường. Có thể mở rộng tới con đường tương lai của bản thân.

2. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Môn Ngữ Văn 6 số 2

TRƯỜNG TH VÀ THCS TRIỆU THƯỢNG

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 6

Thời gian làm bài: 45 phút

Câu 1. (1.0 điểm): Trong truyện Em bé thông minh, em bé đã vượt qua nhiều thử thách. Em hãy kể lại những thử thách đối với em bé theo đúng trình tự.

Câu 2. (2.0 điểm): TruyệnẾch ngồi đáy giếng ngụ ý phê phán những người như thế nào? Qua truyện, em rút ra bài học gì cho bản thân?

Câu 3. (2.0 điểm): Nêu nghĩa khái quát của lượng từ. Tìm lượng từ trong các phần trích sau:

a. Các hoàng tử phải cỡi giáp xin hàng.

b. Tình thương bao la với dân, với nước trước hết phải xuất phát từ tình nghĩa đối với những người thân trong gia đình. Bác Hồ bằng những hành động quan tâm đến người cha đã mang đến cho chúng ta một bài học sâu sắc về đạo làm con.

Câu 4. (5.0 điểm): Kể lại một kỉ niệm sâu sắc giữa em với thầy giáo hoặc cô giáo.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 SỐ 2

MÔN: NGỮ VĂN 6



Câu 1:

Các thử thách gồm:

- Lần 1: Đáp lại câu đố của viên quan - "Trâu cày một ngày được mây đường?".
- Lần 2: Đáp lại thử thách của vua đối với dân làng - nuôi ba con trâu đẻ sao cho chúng đẻ thành chín con trong một năm để nộp cho vua.
- Lần 3: Cũng là thử thách của vua - từ một con chim sẻ làm thành ba mâm cỗ thức ăn.
- Lần 4: Câu đố thử thách của sứ thần nước ngoài - xâu một sợi chỉ mảnh qua ruột con ốc vặn rất dài.

Câu 2:

- Truyện ngụ ý phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp nhưng lại luôn huênh hoang, tự cao.
- Bài học: Chúng ta phải cố gắng mở rộng tầm hiểu biết của mình; không được chủ quan, kiêu ngạo.

Câu 3:

- Lượng từ là những từ chỉ lượng ít hay nhiều của sự vật.
- Xác định lượng từ:

a. Các

b. Những, những.

Câu 4:

- Mở bài:

+ Giới thiệu về thầy/cô giáo mà em sắp kể.

+ Kể lại hoàn cảnh và ấn tượng khiến em kính trọng và quý mến cô/thầy giáo.

- Thân bài:

+ Miêu tả đôi nét về thầy/cô giáo mà em quý mến. Nên tả những nét độc đáo và ấn tượng của thầy/cô giáo.

+ Kể về tính tình, tính cách của thầy/cô giáo.

+ Kỉ niệm sâu sắc nhất giữa em và thầy/cô giáo là gì?

+ Nay đã lên lớp 6, tình cảm của em đối với thầy/cô giáo đó ra sao?

- Kết bài: Nêu ra sự kính trọng và yêu mến khi không còn được học với thầy/cô giáo và em sẽ phấn đấu trong việc học tập để không phụ lòng thầy/cô.

3. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Môn Ngữ Văn 6 số 3

TRƯỜNG THCS LÊ THÁNH TÔN

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 6

Thời gian làm bài: 45 phút

I. PHẦN TIẾNG VIỆT (2.0 điểm)

Câu 1: (0.5 điểm): Tìm cụm danh từ trong câu sau:

Vua cha yêu thương Mị Nương hết mực, muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng.

Câu 2: (0.5 điểm): Có mấy loại động từ chính? Hãy kể ra?

Câu 3: (1 điểm): Câu sau đây từ nào dùng không đúng? Hãy chữa lại cho đúng?

- Ngày mai, chúng ta sẽ đi thăm quan nhà công tử Bạc Liêu.

II. PHẦN VĂN BẢN (3.0 điểm)

Câu 1: (1.0 điểm): Thế nào là truyền thuyết? Kể tên hai truyền thuyết mà em đã học.

Câu 2: (1.0 điểm): Nêu ý nghĩa của chi tiết thần kì: Tiếng đàn và niêu cơm trong truyện Thạch Sanh.

Câu 3: (1.0 điểm): Truyện ngụ ngôn Thầy bói xem voi khuyên nhủ chúng ta điều gì.

III. PHẦN TẬP LÀM VĂN (5.0 điểm):

Hãy kể lại một việc tốt em đã làm

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 SỐ 3

MÔN: NGỮ VĂN 6

I. PHẦN TIẾNG VIỆT

Câu 1:

Cụm danh từ trong câu: Một người chồng thật xứng đáng.

Câu 2:

- Có hai loại động từ chính.

- Kể ra đúng:

+ Động từ tình thái.

+ Động từ chỉ hành động, trạng thái.

Câu 3: Từ dùng không đúng là “thăm quan”.

II. PHẦN VĂN BẢN

Câu 1:

- Truyện truyền thuyết là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng kì ảo.

- Truyện truyền thuyết mà em đã học: Bánh chưng, bánh giầy, Thánh Gióng, hoặc Sơn Tinh, Thủy Tinh.

Câu 2: Ý nghĩa của chi tiết thần kì: Tiếng đàn và niêu cơm trong truyện “Thạch Sanh”:

- Tiếng đàn thể hiện ước mơ công lý của nhân dân ta-tiếng đàn giải oan, vạch trần tội ác.

- Niêu cơm thể hiện tấm lòng nhân đạo, tư tưởng yêu hòa bình.

Câu 3: Truyện ngụ ngôn “Thầy bói xem voi” khuyên nhủ người ta: Muốn hiểu biết sự vật, sự việc phải xem xét chúng một cách toàn diện.

III. PHÂN TẬP LÀM VĂN

- Mở bài: Giới thiệu việc làm tốt.

- Thân bài: Kể diễn biến câu chuyện:

+ Câu chuyện mở đầu như thế nào?

+ Diễn biến ra sao?

+ Kết thúc như thế nào?

- Kết bài: Cảm nghĩ của em về việc làm đó.

4. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Môn Ngữ Văn 6 số 4

TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 6

Thời gian làm bài: 45 phút

Câu 1: (2.0 điểm): Đọc đoạn văn sau:

“Nhà vua lấy làm lạ, cho đưa Thạch Sanh đến. Trước mặt mọi người, chàng kể hết đầu đuôi chuyện của mình, từ chuyện kết bạn với Lí Thông đến chuyện chém chằn tinh, giết đại bàng, cứu công chúa, bị Lí Thông lấp cửa hang và cuối cùng bị bắt oan vào ngục thất. Mọi người bấy giờ mới hiểu ra mọi sự. Vua sai bắt giam hai mẹ con Lí Thông, lại giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng không giết mà cho chúng về quê làm ăn. Nhưng về đến nửa đường thì chúng bị sét đánh chết, rồi bị hóa kiếp thành bọ hung”.

a. Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn là gì?

b. Trong đoạn văn trên, mẹ con Lí Thông được Thạch Sanh tha tội chết nhưng vẫn bị trời trừng trị thích đáng. Điều này thể hiện phẩm chất đẹp đẽ nào ở chàng Thạch Sanh, đồng thời gửi gắm ước mơ gì của nhân dân ta?

Câu 2: (3.0 điểm):

a. Giải thích nghĩa của từ: “bụng” trong các ví dụ sau. Chỉ rõ nghĩa gốc, nghĩa chuyển?

- Ăn cho ấm bụng.

- Bạn ấy rất tốt bụng.

- Chạy nhiều bụng chân rất săn chắc.

b. Cho biết các từ bụng chuyển nghĩa đó, được chuyển nghĩa theo phương thức nào?

Câu 3: (5.0 điểm): Lớp em có rất nhiều bạn biết phấn đấu vươn lên học tập tốt, trở thành tấm gương sáng cho các bạn noi theo. Hãy kể về một tấm gương tốt trong học tập như thế ở lớp em.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 SỐ 4 MÔN: NGỮ VĂN 6

Câu 1:

a. Đoạn văn được trích từ văn bản “Thạch Sanh”. Phương thức biểu đạt chính là tự sự.

b. Trong đoạn văn trên mẹ con Lí Thông được Thạch Sanh tha tội chết nhưng vẫn bị trời trừng trị thích đáng, điều này thể hiện lòng thương người – là một trong những phẩm chất tốt đẹp của Thạch Sanh. Đồng thời gửi gắm ước mơ về sự công bằng: Cái thiện thắng cái ác trong xã hội của nhân dân ta.

Câu 2:

a. Giải nghĩa:

- Bụng 1: Dùng với nghĩa gốc: Bộ phận cơ thể người hoặc động vật chứa ruột, dạ dày

- Bụng 2: Nghĩa chuyển: Biểu tượng của ý nghĩ sâu kín, không bộc lộ ra, đối với người, việc nói chung

- Bụng 3: Nghĩa chuyển: Phần phình to ở giữa của một số đồ vật, sự vật

b. Hai từ bụng 2, bụng 3 dùng với nghĩa chuyển, chuyển theo phương thức ẩn dụ.

Câu 3:

- Mở bài: Giới thiệu chung về người bạn- người bạn đã trở thành tấm gương học tập tốt cho nhiều bạn noi theo.

- Thân bài:

+ Kể về ngoại hình của bạn: tên tuổi, hình dáng, mái tóc, khuôn mặt...

+ Kể về những biểu hiện cụ thể về việc phấn đấu vươn lên học tập tốt của nhân vật.

+ Luôn thực hiện nghiêm túc nội quy, qui định của trường, lớp.

+ Cần cù, chăm chỉ: Chuẩn bị bài đầy đủ, có chất lượng, trong giờ học chú ý nghe giảng, hăng hái phát biểu xây dựng bài, ghi chép bài khoa học, sạch sẽ, đầy đủ.

+ Luôn biết tận dụng thời gian học tập một cách hợp lí.

+ Có phương pháp học tập khoa học, sáng tạo.

+ Biết khắc phục mọi khó khăn nảy sinh trong cuộc sống để vươn lên học tốt.

+ Luôn cởi mở với bạn bè, hay giúp các bạn trong lớp.

- Kết bài:

+ Cảm nghĩ về bạn

+ Tự hứa với mình phải cố gắng, học tập theo gương bạn.

5. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Môn Ngữ Văn 6 số 5

TRƯỜNG THCS TRIỆU VÂN

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 6

Thời gian làm bài: 45 phút

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm): Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu dưới đây:

“Một cửa hàng bán cá làm cái biển đề mấy chữ to tướng:

"Ở ĐÂY CÓ BÁN CÁ TƯƠI"

Biển vừa treo lên, có người qua đường xem, cười bảo:

- Nhà này xưa quen bán cá ươn hay sao mà bây giờ phải đề biển là cá "tươi"?

Nhà hàng nghe nói, bỏ ngay chữ "tươi" đi.

Hôm sau, có người khách đến mua cá, cũng nhìn lên biển, cười bảo:

- Người ta chẳng nhẽ ra hàng hoa mua cá hay sao, mà phải đề là "ở đây"?

Nhà hàng nghe nói, bỏ ngay hai chữ "ở đây" đi.

Cách vài hôm, lại có một người khách đến mua cá, cũng nhìn lên biển, cười bảo:

- Ở đây chẳng bán cá thì bày cá ra để khoe hay sao mà phải đề là "có bán"?

Nhà hàng nghe nói lại bỏ ngay hai chữ "có bán" đi. Thành ra biển chỉ còn có mỗi một chữ "cá". Anh ta nghĩ trong bụng chắc từ bây giờ không còn ai bắt bẻ gì nữa.

Vài hôm sau, người láng giềng sang chơi, nhìn cái biển, nói:

- Chưa đi đến đầu phố đã ngửi mùi tanh, đến gần nhà thấy đầy những cá, ai chẳng biết là bán cá, còn đề biển làm gì nữa?

Thế là nhà hàng cắt nốt cái biển!

(Treo biển – SGK Ngữ văn 6, tập một, NXBGD 2016, tr.124)

Câu 1. (0.75 điểm): Văn bản trên thuộc thể loại truyện dân gian gì? Nêu khái niệm của thể loại truyện dân gian đó. hãy kể tên một truyện dân gian cùng loại mà em biết?

Câu 2. (0.75 điểm): Văn bản trên được kể theo ngôi thứ mấy, chủ yếu sử dụng phương thức biểu đạt nào?

Câu 3. (0.75 điểm): Có mấy người “góp ý” về cái biển đề ở cửa hàng bán cá? Em có nhận xét gì về từng ý kiến?

Câu 4. (0.75 điểm): Tìm những chi tiết gây cười trong truyện. Khi nào cái đáng cười bộc lộ rõ nhất? Vì sao?

Câu 5. (1.0 điểm): Qua văn bản trên, tác giả dân gian muốn chế giễu, phê phán điều gì? Nếu nhà hàng bán cá trong truyện nhờ em làm lại cái biển, em sẽ tiếp thu hoặc phản bác những góp ý của bốn người như thế nào hoặc sẽ làm lại cái biển ra sao?

II. LÀM VĂN (6.0 điểm): Hãy tưởng tượng và kể lại cuộc trò chuyện tâm sự giữa các đồ dùng học tập của em.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 SỐ 5

MÔN: NGỮ VĂN 6

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1:

- Thể loại: Truyện cười
- Định nghĩa: là loại truyện kể về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống nhằm tạo tiếng cười mua vui hoặc phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội.

Câu 2:

- Ngôi thứ 3
- Phương thức biểu đạt: Tự sự

Câu 3:

- Có bốn vị khách "góp ý" về tấm biển ở cửa hàng bán cá:
 - + Ý kiến thứ nhất đề nghị bỏ chữ "tươi".
 - + Ý kiến thứ hai đề nghị bỏ chữ "ở đây".
 - + Ý kiến thứ ba đề nghị bỏ chữ "có bán".
 - + Ý kiến thứ tư đề nghị bỏ nốt chữ "cá".
- Cả bốn ý kiến đều mang tính cá nhân, chủ quan và nguy hiểm:
 - + Nếu bỏ chữ "tươi", là làm mất đi sự khẳng định chất lượng cao của sản phẩm nhà hàng, tuy nhiên cũng có thể được chấp nhận.
 - + Đến ý kiến thứ hai đòi bỏ từ chỉ địa điểm "ở đây" mà nhà hàng cũng nghe theo thì đã khiến nội dung biển có phần tối nghĩa và thiếu lịch sự đối với khách hàng.
 - + Khi bỏ đi cả chữ "có bán" chỉ để lại một từ "cá" là hết sức vô lí. Nó làm cho nội dung biển trở nên cụt lủn, tối nghĩa.
 - + Đến ý kiến cuối cùng, đề nghị cắt nốt biển đi vì "ai đi tới gần đây đều chẳng người thấy mùi cá tanh lộn lên mà còn phải để từ "cá". Nhà hàng lại nhắm mắt nghe theo không dùng biển nữa.

Câu 4: Chi tiết buồn cười:

- Nhà hàng treo một tấm biển thừa thông tin.
- Khi thấy khách hàng chê thì vội vã sửa theo ý khách mà không suy nghĩ.
- Xóa dần những chữ có trên biển quảng cáo.
- Nhà hàng dẹp biển quảng cáo.
- Nhưng cái cười bộc lộ rõ nhất ở cuối truyện. Ở trên cái biển bị bắt bẻ đến nỗi chỉ còn chữ "cá". Người qua đường vẫn còn có người góp ý, chữ "cá" và tấm biển treo vẫn là thừa, chủ hàng cắt luôn cái biển, thì ta bật cười, tiếng cười vang lên to nhất. Ta cười vì từng góp ý thấy có vẻ có lí nhưng cứ theo đó mà hành động thì kết quả cuối cùng lại thành phi lí. Ta cười to vì người nghe góp ý không biết suy xét, hoàn toàn mất hết chủ kiến.

Câu 5:

- Ý nghĩa:
 - + Treo biển là một truyện hài hước, tạo nên một tiếng cười vui vẻ, phê phán nhẹ nhàng những người thiếu chủ kiến khi làm việc, không suy xét khi nghe những ý kiến khác.

+ Khi được người khác góp ý không nên vội vàng hành động theo ngay khi chưa suy xét kĩ. Làm việc gì cũng phải có ý thức, có chủ kiến, biết tiếp thu có chọn lọc ý kiến của người khác.

- Góp ý:

+ Nên giữ nguyên tám biển quảng cáo để nội dung được trọn vẹn. Nếu có sửa thì chỉ nên bỏ bớt chữ "Ở đây".

+ Qua truyện này, có thể rút ra bài học về cách dùng từ: từ dùng phải có nghĩa, có lượng thông tin cần thiết, không dùng từ thừa. Từ trong biển quảng cáo phải ngắn gọn, rõ ràng, đáp ứng được mục đích, nội dung quảng cáo.

II. LÀM VĂN

- Mở bài: Giới thiệu vấn đề.

- Thân bài:

+ Đêm đã khuya, tôi không ngủ được thì bỗng nghe tiếng thút thít nơi góc phòng.

+ Bạn thước kẻ đang khóc, tôi đến hỏi han trò chuyện.

+ Bạn thước kẻ kể lại nỗi buồn bị cô chủ bỏ quên, làm xước xước, bị gãy.

+ Các bạn khác đến an ủi động viên và kể nỗi niềm của mình.

- Kết bài: Bày tỏ tình cảm của bản thân.

6. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Môn Ngữ Văn 6 số 6

TRƯỜNG THCS THỦY AN

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 6

Thời gian làm bài: 45 phút

Câu 1. (2.0 điểm): Thế nào là truyện truyền thuyết? Kể tên 2 truyện truyền thuyết đã học?

Câu 2. (3.0 điểm): Nêu ý nghĩa của truyện truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm?

Câu 3. (5.0 điểm): Kể lại các sự việc chính trong truyện Thạch Sanh? Nêu đánh giá và nhận xét của bản thân em về nhân vật Thạch Sanh?

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 SỐ 6

MÔN: NGỮ VĂN 6

Câu 1:

- Là loại truyện dân gian truyền miệng kể về các nhân vật & sự kiện có liên quan đến quá khứ.

- Thường có yếu tố tưởng tượng kỳ ảo.

- Thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử đó.

- Hai tên truyền thuyết đã học: Thánh Gióng; Sơn Tinh, Thủy Tinh.

Câu 2:

- Giải thích nguồn gốc tên gọi hồ Gươm.

- Ca ngợi tính toàn dân, chính nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Khát vọng hoà bình của dân tộc.

Câu 3:

- Các sự việc chính trong truyện Thạch Sanh:
 - + Sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh.
 - + Thạch Sanh kết nghĩa anh em với Lí Thông.
 - + Thạch Sanh diệt chằn tinh, bị Lí Thông cướp công.
 - + Thạch Sanh diệt đại bàng cứu công chúa, lại bị cướp công.
 - + Thạch Sanh cứu Thái Tử, được thưởng cây đàn thần, bị vu oan, vào tù.
 - + Thạch Sanh được giải oan, mẹ con Lý Thông bị sét đánh chết, biến thành bọ hung.
 - + Thạch Sanh chiến thắng 18 nước chư hầu. 8. Thạch Sanh cưới công chúa, lên nối ngôi vua.
- Nhận xét:
 - + Thạch Sanh là người thật thà, dũng cảm, tài năng, giàu lòng vị tha, yêu chuộng hòa bình...
 - + Thạch Sanh đại diện cho điều thiện thể hiện ước mơ của nhân dân về sự công bằng: cái thiện thắng cái ác.

7. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Môn Ngữ Văn 6 số 7

TRƯỜNG THCS ĐỊNH CÔNG

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 6

Thời gian làm bài: 45 phút

I. ĐỌC – HIỂU (3.0 điểm): Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

...“Một năm sau khi đuổi giặc Minh, một hôm Lê Lợi - bấy giờ đã làm vua - cưỡi thuyền rồng dạo quanh hồ Tả Vọng. Nhân dịp đó, Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại thanh gươm thần. Khi thuyền rồng tiến ra đến giữa hồ thì tự nhiên có một con rùa lớn nhô đầu và mai lên khỏi mặt nước. Theo lệnh vua, thuyền đi chậm lại. Đứng ở mạn thuyền, vua thấy lưỡi gươm thần đeo bên người tự nhiên động đậy. Con rùa vàng không sợ người, nhô đầu lên cao nữa và tiến về phía thuyền vua. Nó đứng nổi lên trên mặt nước và nói: “Xin bệ hạ hoàn gươm cho Long Quân!”. Vua nâng gươm hướng về phía Rùa Vàng. Nhanh như cắt, rùa há miệng đớp thanh gươm và lặn xuống. Gươm và rùa đã chìm đáy nước, người ta vẫn còn thấy vật gì sáng le lói dưới mặt hồ xanh. Từ đó, hồ Tả Vọng bắt đầu mang tên là hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm”.

(Ngữ văn 6, tập 1)

Câu 1: (0.5 điểm): Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào? Văn bản là truyện thuyết hay cổ tích?

Câu 2: (0.5 điểm): Đoạn văn trên kể về sự việc gì?

Câu 3: (1.0 điểm): Em hãy chỉ ra yếu tố tưởng tượng kì ảo và cốt lõi lịch sử trong đoạn văn trên.

Câu 4: (1.0 điểm): Ngoài văn bản được trích trên, em hãy kể tên 2 truyền thuyết mà em biết có sự xuất hiện của nhân vật Lạc Long Quân (Long Quân, Đức Long Quân) hoặc Rùa Vàng (Rùa thần, Thần Kim Quy).

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm): Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 10 dòng) để giải thích tại sao Đức Long Quân chỉ cho Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần mà không tặng gươm.

Câu 2: (5.0 điểm): Em hãy kể lại một truyện cổ tích mà em đã đọc (hoặc nghe kể) bằng lời văn của em (không kể các truyện trong sách giáo khoa Ngữ văn 6).

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 SỐ 7

MÔN: NGỮ VĂN 6

I. ĐỌC – HIỂU

Câu 1:

- Trích từ văn bản: Sự tích Hồ Gươm.
- Thể loại truyện: Truyền thuyết.

Câu 2: Đoạn văn kể về sự việc: Đức Long Quân sai sứ giả lên đòi lại gươm thần/ hoặc Lê Lợi trả gươm cho Đức Long Quân.

Câu 3:

- Chi tiết tưởng tượng kì ảo: Lưỡi gươm tự nhiên động đậy, Rùa Vàng biết nói.
- Cốt lõi lịch sử: Giặc Minh, Lê Lợi, địa danh hồ Tả Vọng – hồ Gươm – hồ Hoàn Kiếm.

Câu 4: Có thể nêu 1 số truyện sau:

- Con Rồng cháu Tiên.
- An Dương Vương xây thành Cổ Loa.
- Truyền thuyết Kinh Dương Vương.
- Họ Hồng Bàng...

II. LÀM VĂN

Câu 1:

- Đảm bảo thể thức của một đoạn văn.
- Xác định đúng vấn đề nghị luận.
- Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn: vận dụng tốt thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn nêu suy nghĩ theo hướng sau:
 - + Là gươm thần nên phải trả cho thần, kì lạ và thiêng liêng hóa giá trị thanh gươm.
 - + Gươm chỉ cần thiết khi có chiến tranh, lúc chiến tranh kết thúc thì không cần nữa, ước mơ, khát vọng hòa bình của nhân dân ta.
- Sáng tạo: Học sinh có thể có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.
- Chính tả: dùng từ, đặt câu, đảm bảo chuẩn ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.

Câu 2:

- Đảm bảo cấu trúc của một bài văn tự sự: có đầy đủ ở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu về truyện cổ tích mình sẽ kể, thân bài kể lại truyện cổ tích bằng lời văn của mình; kết bài khái quát được nội dung ý nghĩa truyện kể.
- Xác định đúng vấn đề tự sự (một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích đã đọc).
- Triển khai vấn đề:
 - + Kể lại một truyện (ngoài sách giáo khoa) theo một trình tự hợp lí.
 - + Giới thiệu hoàn cảnh và nhân vật (chuyện xảy ra ở đâu? Bao giờ? Có những nhân vật nào?)
 - + Kể lại toàn bộ diễn biến của câu chuyện theo cốt chuyện đã học (ần chọn từ, đặt câu, chọn chi tiết, và có thể sử dụng cả văn đối thoại để làm câu chuyện thêm phần sinh động).
 - + Nêu phần kết của câu chuyện (câu chuyện kết thúc ra sao? Có chiều hướng tốt hay xấu? gọi cho em cảm giác gì? Bài học rút ra từ câu chuyện là gì?).
- Sáng tạo: HS có thể có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.
- Chính tả: dùng từ, đặt câu, đảm bảo chuẩn ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.

8. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Môn Ngữ Văn 6 số 8

TRƯỜNG THCS ĐỘI CÁN

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 6

Thời gian làm bài: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM (3.0 điểm)

Câu 1: Văn bản “Bài học đường đời đầu tiên” được kể theo ngôi kể thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất.
- B. Ngôi thứ hai.
- C. Ngôi thứ ba.
- D. Ngôi thứ tư.

Câu 2: Trong văn bản “Bài học đường đời đầu tiên” bài học mà Dế Choắt khuyên Dế Mèn là:

- A. “Những gã xốc nổi thường làm cử chỉ nông cuồng là tài ba”.
- B. “Hung hăng, hống hách láo chỉ tổ đem thân mà trả nợ những cử chỉ ngu dại của mình”.
- C. “Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình”.
- D. “Nếu đã trót không suy tính, lỡ xảy ra những việc dại dột, dù sau có hối lỗi cũng không thể làm lại được”.

Câu 3: Vì sao trong bài thơ “Đêm nay Bác không ngủ” tác giả lại không kể về lần thức dậy thứ hai của anh đội viên?

- A. Vì tác giả quên không kể.
- B. Vì Minh Huệ không muốn câu chuyện lặp lại.
- C. Vì lần hai chẳng có gì đáng nói.

D. Đó là dụng ý nghệ thuật của tác giả: Làm cho ý thơ tập trung hơn và hình tượng Bác nổi bật hơn.

Câu 4: Nhận xét nào nêu đúng nghệ thuật của bài thơ “Đêm nay Bác không ngủ”?

- A. Miêu tả từ bao quát đến cụ thể.
- B. Bài thơ có sự kết hợp giữa tự sự, miêu tả và biểu cảm.
- C. Miêu tả chân thực diễn biến tâm lí nhân vật.
- D. Kết hợp giữa miêu tả và biểu cảm.

Câu 5: Điểm giống nhau giữa hai đoạn trích “Vượt thác” và “Sông nước Cà Mau” là gì?

- A. Tả cảnh sông nước miền Trung.
- B. Tả cảnh quan sông nước vùng cực nam của Tổ quốc.
- C. Tả cảnh thiên nhiên sông nước.
- D. Tả sự hùng dũng và mạnh mẽ của con người.

Câu 6: Văn bản “Sông nước Cà Mau” được trích từ tác phẩm nào?

- A. Quê nội.
- B. Đất rừng phương Nam.
- C. Cây đước Cà Mau.
- D. Mũi Cà Mau.

Câu 7: Về hùng vĩ hai bên bờ sông Năm Căn trong văn bản “Sông nước Cà Mau” được thể hiện qua chi tiết:

- A. Rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận.
- B. Con sông rộng hơn ngàn thước.
- C. Nước ào ào đổ ra biển ngày đêm như thác.
- D. Cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch.

Câu 8: Nghệ thuật miêu tả của tác giả trong văn bản “Vượt thác” là:

- A. Miêu tả cảnh thiên nhiên.
- B. Miêu tả chân thực diễn biến tâm lí nhân vật.
- C. Phối hợp tả cảnh thiên nhiên và miêu tả tâm lí nhân vật.
- D. Miêu tả cảnh thiên nhiên và miêu tả ngoại hình, hoạt động của con người.

II TỰ LUẬN (7.0 điểm)

Câu 1. (1.0 điểm): Chép lại khổ thơ cuối của bài thơ “Đêm nay Bác không ngủ” (Ngữ văn 6 - tập 2).

Câu 2. (4.0 điểm): Học xong truyện Bức tranh của em gái tôi (Ngữ văn 6 - tập 2) em hình dung như thế nào về nhân vật Kiều Phương?

Câu 3. (2.0 điểm): Qua văn bản Sông nước Cà Mau (Ngữ văn 6 - tập 2), em cảm nhận được gì về vùng Cà Mau cực nam của Tổ quốc?

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 SỐ 8

MÔN: NGỮ VĂN 6

I. TRẮC NGHIỆM

1. A
2. C
3. D
4. B
5. C
6. B
7. A
8. D

II TỰ LUẬN

Câu 1:

*“Đêm nay Bác ngồi đó
Đêm nay Bác không ngủ
Vì một lẽ thường tình
Bác là Hồ Chí Minh”.*

Câu 2:

Cần nêu được các đặc điểm về nhân vật Kiều Phương như sau:

- Hình dáng: nhỏ bé, hai bím tóc tết ngắn, mắt sáng...
- Tài năng: say mê hội họa.
- Tính cách, phẩm chất: Tâm hồn trong sáng, hồn nhiên, luôn dành cho người anh của mình những tình cảm tốt đẹp nhất, nhân hậu.

Câu 3:

- Vùng Cà Mau có cảnh quan thiên nhiên sông nước thật rộng lớn, hùng vĩ, đầy sức sống hoang dã.
- Cuộc sống con người ở chợ Năm Căn tấp nập, trù phú, độc đáo.

9. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Môn Ngữ Văn 6 số 9

TRƯỜNG THCS THỦY AN

ĐỀ KIỂM TRA 1TIẾT HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 6

Thời gian làm bài: 45 phút

Câu 1: (2.0 điểm): Phân loại từ ghép, từ láy trong đoạn văn sau:

“... Trăng đang lên. Mặt sông lấp loáng ánh vàng. Núi Trùm Cát đứng sừng sững bên bờ sông thành một khối tím thẫm uy nghi, trầm mặc”.

Câu 2: (2.0 điểm): Phát hiện và sửa lỗi dùng từ trong các câu sau:

- a. Ông họa sĩ già nhấp nháy bộ ria mép quen thuộc.
- b. Thầy giáo đã truyền tụng cho chúng em rất nhiều kiến thức.

Câu 3: (2.0 điểm): Xác định cụm danh từ trong câu sau và điền chúng vào mô hình cụm danh từ: “Nhà em có một chiếc bàn bằng gỗ lim được đặt ở góc nhà”.

Câu 4: (3.0 điểm): Viết đoạn văn (từ 4 - 6 câu chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng danh từ chung và danh từ riêng (chỉ rõ danh từ chung và danh từ riêng)).

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 SỐ 9 MÔN: NGỮ VĂN 6

Câu 1:

- Từ ghép: mặt sông, ánh vàng, núi Trùm Cát, bờ sông, tím thắm, uy nghi, trầm mặc.
- Từ láy: lấp lánh, sừng sững.

Câu 2:

- Từ sai: nhấp nháy -> Sửa: mấp máy.
- Từ sai: truyền tụng -> Sửa: truyền thụ.

Câu 3:

- Cụm danh từ: có một chiếc bàn bằng gỗ lim được đặt ở góc nhà.
- Mô hình gồm có: phần trước, phần trung tâm và phần sau.

Câu 4:

- Yêu cầu về hình thức:
 - + Trình bày đúng hình thức một đoạn văn.
 - + Số lượng câu từ 4-6 câu.
 - + Không sai chính tả, không gạch xóa, mắc lỗi.
 - + Gạch chân danh từ riêng và danh từ chung.
- Yêu cầu về nội dung: Câu phải thống nhất nội dung (nội dung tự chọn), phải có câu chủ đề.

10. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Môn Ngữ Văn 6 số 10

TRƯỜNG THCS TAM HIỆP

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1
NĂM HỌC: 2020 – 2021
MÔN: NGỮ VĂN 6
Thời gian làm bài: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM (3.0 điểm)

Cho đoạn văn sau: “*Mã Lương vẽ ngay một chiếc thuyền buồm lớn. Vua, hoàng hậu, công chúa, hoàng tử và các quan đại thần kéo nhau xuống thuyền. Mã Lương đưa thêm vài nét bút, gió thổi nhẹ nhẹ, mặt biển nổi sóng lăn tăn, thuyền từ từ ra khơi*”.

Câu 1: Đoạn văn trên có mấy từ láy?

- A. 1 từ.
- B. 2 từ.
- C. 3 từ.
- D. 4 từ.

Câu 2: Đoạn văn trên có mấy danh từ chỉ đơn vị?

- A. 1 danh từ.
- B. 2 danh từ.
- C. 3 danh từ.
- D. 4 danh từ.

Câu 3: Câu “ Mã Lương vẽ ngay một chiếc thuyền buồm lớn”. Có mấy cụm danh từ?

- A. 1 cụm.
- B. 2 cụm.
- C. 3 cụm.
- D. 4 cụm.

Câu 4: Đơn vị cấu tạo nên từ của tiếng Việt là?

- A. Tiếng.
- B. Từ.
- C. Ngữ.
- D. Câu.

Câu 5: Trong các từ sau, từ nào là thuần Việt?

- A. Vua.
- B. Hoàng hậu.
- C. Công chúa.
- D. Hoàng tử.

Câu 6: Từ “đưa” trong đoạn văn trên được dùng theo nghĩa nào trong các nghĩa dưới đây?

- A. Trao trực tiếp cho người khác.
- B. Làm cho đến được với người khác để người khác nhận được.
- C. Cùng đi với ai một đoạn đường trước lúc chia tay.
- D. Chuyển động hoặc làm cho chuyển động qua lại một cách nhẹ nhàng.

II. TỰ LUẬN (7.0 điểm)

Câu 1. (1.5 điểm): Có bạn chép bài ca dao sau mà quên viết hoa một số danh từ riêng. Em hãy viết lại các danh từ riêng ấy cho đúng:

*“Đồng đảng có phỏ Kì lừa
Có nàng tô Thị, có chùa Tam thanh.
Ai lên xứ Lạng cùng anh*

Bổ công bác mẹ sinh thành ra em”.

Câu 2. (1.5 điểm): Chữa lỗi dùng từ trong các câu sau:

- Trước khi nói phải suy nghĩ, không nói năng tự tiện.
- Anh ấy là người rất kiên cố.
- Thầy giáo đã truyền tụng cho chúng em rất nhiều kiến thức.

Câu 3. (4.0 điểm): Viết đoạn văn ngắn chủ đề tự chọn từ (5 - 8 câu) trong đó có sử dụng 2 cụm danh từ trở lên.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 SỐ 10
MÔN: NGỮ VĂN 6

I. TRẮC NGHIỆM

- C
- C
- A
- A
- A
- D

II. TỰ LUẬN

Câu 1:

- Kì lừa -> Kì Lừa.
- tô Thị -> Tô Thị.
- Tam thanh -> Tam Thanh.

Câu 2:

- tự tiện -> tùy tiện.
- kiên cố -> kiên cường.
- truyền tụng -> truyền thụ.

Câu 3:

- Nội dung:
 - + Đoạn văn phải có 1 chủ đề.
 - + Các câu trong đoạn văn phải tập trung thể hiện được chủ đề, các câu văn trong đoạn phải có tính liên kết.
 - + Trong đoạn văn phải có các danh từ và cụm danh từ. Chỉ rõ các từ đó theo yêu cầu.
- Hình thức:
 - + Viết đúng hình thức một đoạn văn theo yêu cầu của đề bài.
 - +Diễn đạt mạch lạc, các câu trong đoạn liên kết chặt chẽ với nhau.
 - + Trình bày sạch sẽ, độ dài 5-8 câu, không mắc lỗi chính tả.